

Bản án số: **81/2021/KDTM - PT.**

Ngày : 10/5/2021

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

**Bà Ngô Tuyết Bằng**

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Đinh Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2021/TLPT - KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26A/2020/ KDTM – ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận NTL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2021/QĐ-PT ngày 27/4/2021 giữa các đương sự :

**Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VT**

Trụ sở: Số 89 LH , quận ĐĐ , thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hà Xuân S, ông Bùi Quang A, ông Ngô Tuấn A – Cán bộ Ngân hàng TMCP VT

(Theo văn bản ủy quyền số 1221/2021/UQ-VPB ngày 5/5/2021)

**Bị đơn:**

**Ông Ngô Văn G (SN 1977), bà Lê Thị C (SN 1977)**

Cùng trú tại: Tổ dân phố số 2, phường PĐ , quận NTL , Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn G : Ông Phạm Tiến L , sinh năm 1984, địa chỉ: Số 61, ngõ 12 ĐT, phường CV, quận BĐ, thành phố Hà Nội

(Theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2021)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Ngô Lan N , sinh năm 1997
2. Chị Ngô Thị Q , sinh năm 2000
3. Chị Ngô Thu H , sinh năm 2002
4. Cháu Ngô Gia K (SN 2011 do ông Ngô Văn G là bố đẻ làm đại diện theo pháp luật)

Cùng có địa chỉ tại: Tổ dân phố số 2, phường PĐ , quận NTL , Hà Nội

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2019 và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VT trình bày:** Ông Ngô Văn G và bà Lê Thị C vay của Ngân hàng TMCP VT (*Tên viết tắt là: VT*), chi nhánh Hà Nội tổng số tiền là: 2.379.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu đồng*), theo các Hợp đồng tín dụng, như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 9561953 và khế ước nhận nợ (lần: 01/số 9561953) ký ngày 25/10/2016, giữa: VT , chi nhánh Hà Nội với ông Ngô Văn G và bà Lê Thị Cúc. Nội dung như sau: Ông G và bà C vay VT số tiền: 700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân; Mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong khế ước nhận nợ, tại thời điểm giải ngân là: 13,0%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các

bên thỏa thuận trong hợp đồng này và (các) khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo – bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

2. Hợp đồng tín dụng số: 9700894, ký ngày 25/10/2016, giữa: VT chi nhánh Hà Nội với ông G và bà C. Nội dung như sau: Ông G và bà C vay VT số tiền: 1.479.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng*); Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh ăn uống (Bún chả); Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng này và (các) khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo – bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

3. Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (gọi là: Hợp đồng vay tín chấp) ký ngày 16/6/2017, giữa: VT, chi nhánh Hà Nội với ông G và bà C. Nội dung: Ông G và bà C vay VT số tiền: 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay vốn: Mua đồ gia dụng; Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất thực hiện theo phê duyệt cho vay của VT.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số: 379; Tờ bản đồ số: 05; Diện tích: 40,9m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: Đất ở; Hình thức sử dụng: Riêng; Địa chỉ thửa đất: PĐ, xã MT, huyện TL, thành phố Hà Nội (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 128557; Số QĐ: 4979/QĐ-UBND; Số vào sổ cấp GCN: CH01213, do UBND huyện TL, thành phố Hà Nội cấp cho ông Ngô Văn G ngày 11/7/2012; Thay đổi sau khi cấp GCN: Ngày 02/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận NTL, địa chỉ thửa đất nay thay đổi là phường PĐ, quận NTL, thành phố Hà Nội). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 3191/2016; Quyền số: 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 22/10/2016, tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3191/2016, ký ngày 22/10/2016,

số công chứng: 3192/2016; Quyền số: 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội và Bản Thỏa thuận ký ngày 25/10/2016 giữa: VT , chi nhánh Hà Nội với ông G và bà C . Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh quận NTL , ngày 24/10/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông G và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VT , VT đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng ông G và bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VT . Tính đến ngày Tòa án xét xử 20/8/2020, ông G và bà C còn nợ VT tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, là: 3.380.611.182 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 2.193.224.186 đồng. Nợ lãi là: 1.154.658.067 đồng. Nợ lãi chậm trả là: 32.728.929 đồng

VT khởi kiện đối với ông G và bà C , yêu cầu Tòa án:

1. Buộc ông G và bà C phải thanh toán cho VT tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả theo các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày Tòa án xét xử 20/8/2020, là: 3.380.611.182 đồng . Trong đó: Nợ gốc là: 2.193.224.186 đồng ( ; Nợ lãi là: 1.154.658.067 đồng .Nợ lãi chậm trả là: 32.728.929 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

SỐ TT	Số HĐTD	Ngày vay	Nợ Gốc	Nợ Lãi	Lãi chậm trả	Tổng gốc+ lãi+ Lãi chậm trả
1	LD1717200549	<u>16/6</u> 2017	189,565,242	244,617,435	32,728,929	466,911,606
2	LD1629901404	<u>25/10</u> 2016	647,586,215	308,028,560		955,614,775
3	LD1629900698	<u>25/10</u> 2016	1,356,072,729	602,012,071		1,958,084,800
Tổng cộng:			<b>2,193,224,186</b>	<b>1,154,658,067</b>	<b>32,728,929</b>	<b>3,380,611,182</b>

2. Yêu cầu ông G và bà C tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông G và bà C thanh toán hết nợ cho VT .

3. VT đề nghị Tòa án tuyên VT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VT , tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số: 379; Tờ

bản đồ số: 05; Diện tích: 40,9m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: Đất ở; Hình thức sử dụng: Riêng; Địa chỉ thửa đất: PĐ , xã MT, huyện TL , thành phố Hà Nội; (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 128557; Số QĐ: 4979/QĐ-UBND; Số vào sổ cấp GCN: CH01213, do UBND huyện TL , thành phố Hà Nội cấp cho ông Ngô Văn G ngày 11/7/2012; Thay đổi sau khi cấp GCN: Ngày 02/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận NTL , địa chỉ thửa đất nay thay đổi là phường PĐ , quận NTL , thành phố Hà Nội). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 3191/2016; Quyền số: 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 22/10/2016, tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3191/2016, ký ngày 22/10/2016, số công chứng: 3192/2016; Quyền số: 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội và Bản Thỏa thuận ký ngày 25/10/2016 giữa: VT , chi nhánh Hà Nội với ông G và bà C . Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh quận NTL , ngày 24/10/2016.

- Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ cho VT , thì ông G và bà C phải có nghĩa vụ thanh toán hết số nợ cho VT .

**Bị đơn là ông Ngô Văn G , bà Lê Thị C thống nhất trình bày:** Ông, bà xác nhận có vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần VT tổng số tiền là: 2.379.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu đồng*), theo các Hợp đồng tín dụng số: 9700894, ký ngày 25/10/2016, số tiền là: 1.479.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng*); Hợp đồng tín dụng số: 9561953, ký ngày 25/10/2016, số tiền là: 700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng*); Hợp đồng vay ngày 16/6/2017, số tiền là: 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*). Đến ngày 06/8/2019 số nợ gốc còn nợ là: 2.193.224.186 đồng, nợ lãi là: 630.249.854 đồng, phạt chậm trả là: 80.905.587 đồng. Tổng cộng là: 2.904.379.627 đồng. Ông, bà cũng xác nhận có thế chấp cho VT nhà và đất tại thửa đất số: 379; Tờ bản đồ số: 05; Địa chỉ: Phường PĐ , quận NTL , thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 128557; Số vào sổ cấp GCN: CH01213; Số QĐ: 4979/QĐ-UBND do UBND huyện TL , thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2012. Tài sản thế chấp giữ nguyên hiện trạng

đến nay, gia đình ông, bà không sửa chữa gì. Tài sản thế chấp hiện nay vợ chồng ông, bà và các con ông, bà đang quản lý, sử dụng. Các con ông, bà gồm có: Ngô Thị Q , sinh năm: 2000; Ngô Thu H , sinh năm: 2003; Ngô Gia Khánh, sinh năm: 2011, ngoài ra không có ai khác. Nay Ngân hàng khởi kiện, đòi vợ chồng ông, bà số tiền trên, ông, bà có ý kiến: Hiện nay ông, bà rất khó khăn về kinh tế, nên đề nghị Tòa án và Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để ông, bà có điều kiện thu xếp trả nợ cho Ngân hàng đồng thời ông, bà đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có:** Chị Ngô Lan N , Chị Ngô Thị Q , chị Ngô Thu H thống nhất với lời khai của ông G , bà C .

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26A/2020/KDTM-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân quận NTL đã quyết định:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của VT đối với ông Ngô Văn G và bà Lê Thị Cúc, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**2.** Buộc ông G và bà C phải trả VT tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử 20/8/2020, là: 3.136.775.394 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: 2.193.224.186 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng*); Nợ lãi là: 941.965.777 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng*); Nợ lãi chậm trả là: 1.585.431 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng*). Theo các Hợp đồng tín dụng ký giữa: Ông Ngô Văn G và bà Lê Thị C với VT

**3.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông G và bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

**4.** Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông G và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho VT , thì VT có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VT . Tài

sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số: 379; Tờ bản đồ số: 05; Diện tích: 40,9m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất: PĐ , xã MT, huyện TL , thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 128557; Số QĐ: 4979/QĐ-UBND; Số vào sổ cấp GCN: CH01213, do UBND huyện TL , thành phố Hà Nội cấp cho ông Ngô Văn G ngày 11/7/2012; Thay đổi sau khi cấp GCN: Ngày 02/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận NTL , địa chỉ thửa đất nay thay đổi là phường PĐ , quận NTL , thành phố Hà Nội. *(Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 3191/2016; Quyền số: 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 22/10/2016, tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3191/2016, ký ngày 22/10/2016, số công chứng: 3192/2016; Quyền số: 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội và Bản Thỏa thuận ký ngày 25/10/2016 giữa: VT , chi nhánh Hà Nội với ông G và bà C )*.

5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VT , thì ông G và bà C phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho VT .

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 31/8/2020 nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VT kháng cáo một phần bản án về phần tính lãi của bản án sơ thẩm. Ngày 02/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Lan N , chị Ngô Thị Q , chị Ngô Thu H kháng cáo bản án đề nghị Tòa án và ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi và thanh toán khoản vay.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn cung cấp các tài liệu về việc điều chỉnh lãi suất đối với Giấy cho vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu về lãi đối với Giấy cho vay tiêu dùng cá nhân ký giữa ông G , bà C và Ngân hàng.
- Ông G , bà C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: sau khi phân tích nội dung vụ án và kháng cáo của các đương sự, đề nghị: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Lan N

, chị Ngô Thị Q , chị Ngô Thu H . Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VT về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi đối với hai hợp đồng tín dụng, yêu cầu phát mại tài sản để thu hồi nợ, chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc và không chấp nhận yêu cầu về đòi nợ lãi đối với Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân ký giữa ông G , bà C và Ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### ***[1]. Về tố tụng:***

Về quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thu H : chị Hương sinh ngày 07/11/2002, đến ngày 02/10/2020 chị Hương làm đơn kháng cáo là chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, khoản 4 điều 21 Bộ luật dân sự 2015 quy định: người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Do vậy, chị Hương có đủ quyền kháng cáo và làm đơn kháng cáo là hợp lệ. Xét thấy, đơn kháng cáo của Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thu H nằm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Ngô Văn G , bà Lê Thị C đều thường trú tại: Tổ dân phố số 2, phường PD , quận NTL , Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận NTL thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Ngô Văn G , bà Lê Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chị Ngô Lan N , chị Ngô Thị Q , chị Ngô Thu H , cháu Ngô Gia K (do ông G , bà C đại diện) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ. Chị Ngô Lan N , chị Ngô Thị Q , chị Ngô Thu H đồng thời là người kháng cáo nhưng vắng mặt thì được coi là từ bỏ kháng cáo. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Nhi, chị Quỳnh, chị Hương.

#### ***[2]. Về nội dung:***



Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VT , Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 25/10/2016, ông G , bà C và Ngân hàng TMCP VT (VT ) đã ký hợp đồng tín dụng số 9561953 với nội dung: Ông G và bà C vay VT số tiền: 700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân; Mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong khế ước nhận nợ, tại thời điểm giải ngân là: 13,0%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng này và (các) khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo – bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

Ngày 25/10/2016, ông G , bà C và VP Bank tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số: 9700894, nội dung: Ông G và bà C vay VT số tiền: 1.479.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng*); Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân; Mục đích sử dụng tiền vay: Bỏ sung vốn kinh doanh ăn uống (Bún chả); Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng này và (các) khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo – bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

Ngày 16/6/2017, ông G , bà C ký với VP Bank Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với nội dung: Ông G và bà C vay VT số tiền: 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay vốn: Mua đồ gia dụng; Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất thực hiện theo phê duyệt cho vay của VT .

Theo đó, tổng số tiền ông G , bà C vay của VP Bank theo các hợp đồng tín dụng, Giấy đăng ký vay tiêu dùng là 2.379.000.000 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, Giấy đăng ký vay tiêu dùng và các thỏa thuận đã ký, VP Bank đã giải ngân cho Ông G , bà C tổng số tiền là 2.379.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng, Giấy đăng ký vay tiêu dùng đều được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận đều tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, có hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật được quy định tại điều 122, điều 124, điều 389 Bộ luật dân sự 2005 và các điều 471,474,476 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do Ông G , bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên VP Bank khởi kiện yêu cầu ông G trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

Về yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn:

Tại các hợp đồng tín dụng ngày 25/10/2016, các bên đều thỏa thuận lãi trong hạn được quy định trong khế ước nhận nợ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tại khế ước nhận nợ số 9561953 ngày 25/10/2016 quy định: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 13%/năm, điều chỉnh 3 tháng/01 lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 5%/năm. Tại khế ước nhận nợ số 9700894 ngày 25/10/2016 quy định: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm.

Đối chiếu với bảng kê tính lãi và bảng giải trình về lãi đối với 02 hợp đồng tín dụng của Nguyên đơn nộp cho Tòa án thể hiện, nguyên đơn đã điều chỉnh và áp dụng đúng các thỏa thuận nêu trong hợp đồng tín dụng này nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn theo các hợp đồng tín dụng đã ký ngày 25/10/2016.

Về yêu cầu về lãi đối với Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân:

Tại giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân các bên thỏa thuận: Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất thực hiện theo phê duyệt cho vay của VP Bank.

Tại phần xác nhận chấp thuận cho vay của ngân hàng có nội dung: Lãi suất vay theo quy định của VT . Tại Tòa án nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất phát vay đối với Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân là 35%/năm. Lãi suất trong hạn điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất bán vốn của Ngân hàng với biên độ là 27%/năm. Thấy rằng mức lãi suất của Nguyên đơn yêu cầu là 35% không được các bên thỏa thuận cụ thể trong Giấy đăng ký vay tiêu dùng cũng như mức lãi suất 35%/năm theo lãi suất bán vốn cộng (+) với biên độ 27%/năm là quá

cao, không phù hợp. Lời khai của nguyên đơn tại các cấp tòa án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giải trình việc áp dụng mức lãi suất cộng biên độ 27% với lý do Giấy đăng ký vay tiêu dùng là hợp đồng tín chấp, không có tài sản bảo đảm nên phải áp dụng mức lãi suất cao. Tuy nhiên, tại điều 2 của hợp đồng thế chấp ngày 22/10/2016 được ký kết giữa ông G , bà C và Ngân hàng các bên thỏa thuận: Tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí... và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên thế chấp với ngân hàng trước, trong và sau ngày ký hợp đồng này bao gồm tất cả các phụ lục....các văn bản liên quan đến các văn kiện tín dụng này. Văn kiện tín dụng được hiểu bao gồm nhưng không giới hạn các thỏa thuận về cung cấp và sử dụng tín dụng, hợp đồng tín dụng....hay bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào ghi nhận các giao dịch cấp tín dụng hoặc bất kỳ giao dịch nào khác xác lập nghĩa vụ nợ của bên thế chấp với bên ngân hàng. Như vậy, nghĩa vụ theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân của ông G , bà C là khoản vay có tài sản bảo đảm. Mặt khác, trong toàn bộ lời khai tại Tòa án, nguyên đơn đều thừa nhận tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: PĐ , xã MT, huyện TL , Hà Nội để đảm bảo cho toàn bộ của nghĩa vụ của bị đơn, bao gồm cả nghĩa vụ theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng bao gồm yêu cầu phát mại tài sản để đảm bảo cho khoản nợ theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân của ông G , bà C . Do vậy, không có căn cứ để áp dụng mức lãi suất là 35%/năm của nguyên đơn đối với Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân của bị đơn cũng như mức lãi suất quá hạn của khoản vay này trên 50%/năm. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu này không được chấp nhận. Đây là khoản vay có tài sản thế chấp nên lãi suất quá hạn đối với khoản vay tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng được áp dụng tương tự đối với khoản vay có tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 9561903 ngày 25/10/2016 với mức lãi suất quá hạn là 20,1%. Theo đó, nợ lãi quá hạn của khoản vay tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng là: 90.715.539 đồng.

Từ những phân tích trên, thấy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về lãi đối với giấy đăng ký vay tiêu dùng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/8/2020 theo các hợp đồng tín

dụng và Giấy đăng ký vay tiêu dùng là: 3.203.735.477 đồng trong đó nợ gốc là 2.193.224.186 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.702.848 đồng, nợ lãi quá hạn là 595.808.442 đồng.

- Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do ông G , bà C ký với VT ngày 22/10/2016 thể hiện, ông G , bà C đồng ý dùng tài sản thế chấp của mình là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: PĐ , xã MT, huyện TL , Hà Nội (nay là phường PĐ , quận NTL ), diện tích 40,9m<sup>2</sup> đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 128557 do Ủy ban nhân dân huyện TL (nay là UBND quận NTL ) cấp ngày 11/7/2012 cho ông Ngô Văn G để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của ông G , bà C đối với VP Bank. Ngày 22/10/2016 các bên còn ký phụ lục hợp đồng thế chấp với nội dung sửa đổi giá trị tài sản và ngày 25/10/2016 các bên ký thỏa thuận về việc bị đơn đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản trên đất cho VP Bank

Trước khi ký hợp đồng thế chấp, các bên đã làm thủ tục xác nhận, thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp và các phụ lục của hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, các bên ký hợp đồng thế chấp có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; đối tượng của hợp đồng là có thật, các nội dung đều có sự chứng nhận của công chứng viên nên hợp đồng có hiệu lực thi hành.

Về tài sản trên đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 128557 cấp ngày 11/7/2012 cho ông Ngô Văn G không nói gì về tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp ký ngày 22/10/2016 và các phụ lục hợp đồng thế chấp cũng không nói gì đến tài sản trên đất. Tuy nhiên, tại điểm e khoản 2 điều 5 hợp đồng thế chấp có nội dung: Bên thế chấp cam kết, xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho các nghĩa vụ của bên thế chấp. Tại bản thỏa thuận ngày 25/10/2016 do ông G , bà C ký với Ngân hàng thì ông, bà cũng xác nhận tài sản trên đất là nhà bê tông, diện tích sử dụng 200m<sup>2</sup>, 03 tầng lửng+ 01 lửng + 01 tum, diện tích xây dựng 40,9m<sup>2</sup> và đồng ý để ngân hàng bán/xử lý tài sản trên đất trong trường hợp không trả được nợ. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2020 của Tòa án sơ thẩm thì tài sản trên đất gồm: một nhà bê tông cốt thép ba tầng, một tum (xây từ năm 2010) xây dựng trên 40,9m<sup>2</sup> đất. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc

trường hợp ông G , bà C không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền kê biên, phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để thu hồi nợ. Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận NTL là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Tuy nhiên, xem xét toàn diện bản án thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện về lãi không được chấp nhận là chưa đúng nên cần phải sửa về án phí.

*\* Về án phí phúc thẩm:* Do sửa án sơ thẩm về án phí nên Ngân hàng TMCP VT không phải chịu án phí phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thu H kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với pháp luật.

### ***Từ những nhận định trên!***

Căn cứ điều 342, 343, 351, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điều 147, khoản 1 điều 148, , điểm a khoản 1 điều 289, khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP VT . Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Ngô Thu H .

*Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26A/2020/KDTM-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân quận NTL và quyết định như sau:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần VT . Buộc ông Ngô Văn G và bà Lê Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VT toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 9561953 ngày 25/10/2016, Hợp đồng tín dụng số 9700894 ngày 25/10/2016 và Giấy đăng ký vay

tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/6/2017 tính đến ngày 20/8/2020 là : 3.203.735.477 đồng trong đó nợ gốc là 2.193.224.186 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.702.848 đồng, nợ lãi quá hạn là 595.808.442 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông Ngô Văn G , bà Lê Thị C tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc. Đối với Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử thì áp dụng mức lãi suất quá hạn 20,1% tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Trường hợp ông Ngô Văn G , bà Lê Thị C không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: PĐ , xã MT, huyện TL , Hà Nội (nay là phường PĐ , quận NTL , thành phố Hà Nội), diện tích 40,9m2 đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 128557 do Ủy ban nhân dân huyện TL (nay là UBND quận NTL ) cấp ngày 11/7/2012 cho ông Ngô Văn G

Trường hợp số tiền xử lý các tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì ông Ngô Văn G , bà Lê Thị C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VT . Trường hợp số tiền phát mại tài sản còn thừa sau khi thanh toán hết các khoản nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần VT phải trả lại cho ông Ngô Văn G , bà Lê Thị Cúc.

### *3/ Về án phí:*

- Ông Ngô Văn G , bà Lê Thị C phải chịu 94.735.508 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chị Ngô Thu H phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 9710 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận NTL , thành phố Hà Nội.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần VT phải nộp 8.843.785 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 45.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 8992 ngày 17/12/2019 và 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 9552 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận NTL . Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VT số tiền 38.156.215 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 10/5/2021.

**Nơi nhận:**

- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. NTL ;
- Chi cục THADS Q. NTL ;
- Đường sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Minh Thành**